

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/HS-ST
Ngày: 16/3/2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Ông Phan Lê Lân .
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tấn Đạt.
Bà Nguyễn Thị Dung.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà:*** Bà Huỳnh Đặng Hải Yến – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – Gia Lai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Gia Lai tham gia phiên toà:*** Bà Lê Thị Kim Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2026/TLST-HS, ngày 15 tháng 01 năm 2026; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2026/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn C**, tên gọi khác: không; giới tính: nam; sinh ngày: 21/3/1995 tại P, Gia Lai; CCCD số: 052095017082, ngày cấp: 03/12/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi cư trú: thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai; dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Phạm Văn Đ (chết) và bà Lê Thị P, sinh năm: 1966; vợ: Nguyễn Hoàng Thảo N, sinh năm: 1994; con: có 03 người, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền sự: không;

Tiền án: Ngày 20/12/2022, bị Toà án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định cũ (nay là Toà án nhân dân khu vực 3 - Gia Lai) tuyên phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về tội “*Đánh bạc*” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2022/HS-ST. Đã chấp hành xong thời gian thử thách của người được hưởng án treo (hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án cũng đã chấp hành xong), hiện chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” tại xã P, tỉnh Gia Lai từ ngày 12/11/2025 cho đến nay (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

- Anh Thân Thanh T, sinh năm: 1993; nơi cư trú: thôn M, xã H, tỉnh Gia Lai (*vắng mặt*).

- Chị Trần Thị T1, sinh năm: 1983; nơi cư trú: thôn A, xã P, tỉnh Gia Lai (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Anh Trần Kiên T2, sinh năm: 1988; nơi cư trú: thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Lê Thị P, sinh năm: 1966; nơi cư trú: thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn C bị Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Gia Lai) tuyên phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “Đánh bạc” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2022/HS-ST ngày 20/12/2022. C đã chấp hành xong thời gian thử thách án treo vào ngày 20/12/2024, hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án.

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 25/8/2025, Phạm Văn C điều khiển xe mô tô biển số 78G1- 134.90 (xe mô tô do C quản lý và sử dụng) từ nhà của C đến nhà bà Lê Thị P (sinh năm 1966, trú thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai, là mẹ ruột của C) để chơi. Trên đường đi, C gặp Thân Thanh T (sinh năm 1993, trú thôn M, xã H, tỉnh Gia Lai) nên C rủ T về nhà mẹ C chơi cho biết nhà. Tiên đồng ý nên C đi về nhà mẹ C bằng xe mô tô, T đi bộ theo sau. Cùng lúc này, Trần Thị T1 (sinh năm 1983, trú thôn A, xã P, tỉnh Gia Lai) điều khiển xe mô tô biển số 77H4 - 6038 đến nhà bà P để trả lại xe cho bà P (trước đó T1 mượn bà P chiếc xe này). Tại nhà bà P, T1 gặp C và T, cả ba ngồi nói chuyện với nhau một lúc thì có Trần Kiên T2 (sinh năm 1988, trú thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai) đi bộ đến nhà bà P chơi. C, T, T1 và T2 cùng ngồi chơi nói chuyện với nhau tại nhà bà P.

Trong lúc nói chuyện, C, T, T1, T2 thấy trong nhà bà P có 02 bộ bài Tây (loại 52 lá) nên cả nhóm rủ nhau đánh bạc với hình thức “tiến lên” thắng thua bằng tiền. C cùng T, T2, T1 đi lên gác lờ trong nhà bà P để chơi đánh bài. C lấy bộ bài 52 lá có sẵn trong nhà bà P mang ra đánh bạc. Cả nhóm thống nhất với hình thức đánh “tiến lên”, mức độ thắng thua đánh bạc như sau: ai về thứ nhất thì thắng số tiền 30.000 đồng (ba mươi nghìn đồng), về thứ nhì thì thắng số tiền 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng), về thứ ba thì thua số tiền 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng), về thứ tư thì thua số tiền 30.000 đồng (ba mươi nghìn đồng); từng ván bài ai có khạp lớn nhất (tức có 03 con bài giống nhau) thì thắng với số tiền 30.000 đồng (ba mươi nghìn đồng) do ba nhà còn lại chung mỗi người 10.000 đồng (mười nghìn đồng). Khi bắt đầu chơi, C sử dụng số tiền 120.000 (một trăm hai mươi nghìn đồng), T2 sử dụng số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), T sử dụng số tiền 1.060.000 đồng (một triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng), T1 sử dụng số tiền 326.000 đồng (ba trăm hai mươi sáu nghìn đồng) để đánh bạc. C, T2, T, T1 lấy số tiền đánh bạc này để phía trước chỗ ngồi

của mỗi người rồi cùng nhau bắt đầu đánh bài tiền lên.

Đến khoảng 15 giờ 15 phút cùng ngày, Công an xã P tiến hành kiểm tra phát hiện ba đối tượng đang tham gia đánh bạc trái phép dưới hình thức tiền lên thắng thua bằng tiền gồm: Thân Thanh T, Trần Thị T1, Trần Kiên T2. Thu giữ tại chiếu bạc gồm: 02 bộ bài Tây loại 52 lá (đã qua sử dụng) và số tiền 1.666.000 đồng (một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Riêng Phạm Văn C bỏ chạy, trên đường bỏ chạy C làm rơi số tiền 40.000 đồng (bốn mươi nghìn đồng) còn lại mà C sử dụng để đánh bạc, đến ngày 27/8/2025, C đến Công an xã P trình diện và khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm nêu trên.

* *Về vật chứng*: Cơ quan CSĐT Công an tỉnh G đã tạm giữ và chuyển giao cho Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Gia Lai bảo quản gồm: 02 (hai) bộ bài Tây 52 lá (đã qua sử dụng); Số tiền 1.666.000 đồng (một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

(Có đặc điểm như biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Gia Lai ngày 14/01/2026 và Giấy uỷ nhiệm chỉ đề ngày 23/01/2026).

- Đối với số tiền 40.000 đồng (bốn mươi nghìn đồng), Phạm Văn C sử dụng để đánh bạc, C đã làm rơi trên đường bỏ chạy, đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm thấy.

- Đối với 01 xe mô tô 78G1- 134.90, quá trình điều tra xác định đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của C, ngày 25/8/2025, C không sử dụng xe mô tô nói trên vào mục đích đánh bạc nên Cơ quan điều tra không tạm giữ đối với xe mô tô nói trên.

Tại Bản cáo trạng số: 32/CT-VKSKV3 ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Gia Lai đã truy tố bị cáo Phạm Văn C về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa,

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Gia Lai, trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phạm Văn C với tội danh và khung hình phạt đã truy tố và không có thay đổi, bổ sung gì thêm.

- *Về tội danh*: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Tuyên bố bị cáo Phạm Văn C phạm tội “Đánh bạc”.

- *Về trách nhiệm hình sự*: Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Phạm Văn C từ 18 – 24 tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập cá nhân đối với bị cáo.

- *Về hình phạt bổ sung*: Không.

- *Về trách nhiệm dân sự*: Không.

- *Về xử lý vật chứng*: Đề nghị HĐXX:

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Số tiền 1.666.000 đồng (một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

+ Tịch thu, tiêu huỷ: 02 (hai) bộ bài Tây 52 lá (đã qua sử dụng).

Tại phiên tòa, trong phần trình bày lời tự bào chữa và phần tranh luận, bị cáo Phạm Văn C đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội cũng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và không có ý kiến gì tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo thực sự ăn năn, hối cải và mong HĐXX xem xét hoàn cảnh gia đình của bị cáo mẹ đau bệnh, vợ mang thai ngoài tử cung, hai con còn nhỏ đang đi học, để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, các cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS). Bị cáo Phạm Văn C và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì đối với quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của những người tiến hành tố tụng. Do đó, HĐXX có đủ căn cứ để kết luận, trong các giai đoạn tố tụng này, hành vi của những người tiến hành tố tụng và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Xét nội dung vụ án và hành vi của bị cáo thực hiện, HĐXX thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Phạm Văn C đã khai nhận toàn bộ diễn biến của vụ án và hành vi của mình đã thực hiện đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Gia Lai đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được như: biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường lập ngày 01/11/2025, các vật chứng thu giữ tại hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Vì vậy, HĐXX có đủ cơ sở để kết luận: Phạm Văn C đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định cũ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Gia Lai) tuyên phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về tội “*Đánh bạc*” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2022/HS-ST ngày 20/12/2022. C đã chấp hành xong thời gian thử thách án treo vào ngày 20/12/2024, hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án trên nhưng chưa được xóa án tích. Ngày 25/8/2025, tại nhà bà Lê Thị P ở thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai, C cùng với Thân Thanh T; Trần Kiên T2 và Trần Thị T1 có hành vi đánh bạc bằng hình thức tiến lên thắng thua bằng tiền, tổng số tiền cả nhóm dùng để đánh bạc là 1.706.000 đồng. Trong đó, T2 sử

dụng số tiền 200.000 đồng, T sử dụng số tiền 1.060.000 đồng, C sử dụng số tiền 120.000 đồng và T1 sử dụng số tiền 326.000 đồng để đánh bài.

Hành vi nêu trên của Phạm Văn C đủ yếu tố cấu thành tội: “*Đánh bạc*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của BLHS. Vì vậy, Cáo trạng số 32/CT-VKSKV3, ngày 13/01/2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Gia Lai đã truy tố bị cáo Phạm Văn C với tội danh, khung hình phạt nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh của xã hội, là nguyên nhân dẫn đến nhiều hậu quả nghiêm trọng khác. Do vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là cần thiết và cần có một mức án tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, giữa bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cùng nhau đánh bạc, không có sự phân công cụ thể hoặc cấu kết chặt chẽ với nhau trước khi thực hiện hành vi phạm tội mà đều là người thực hành.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và cũng như đặc điểm nhân thân của bị cáo để quyết định hình phạt, HĐXX thấy rằng:

Tuy bị cáo là người đã bị kết án về tội “*Đánh bạc*” chưa được xóa án tích, nhưng trong lần phạm tội này bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền 120.000 đồng nên bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 2 Điều 52 BLHS.

Trong các giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo có thái độ thành khẩn, ăn năn, hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người có nhân thân xấu, tuy đã bị xử phạt về tội “*Đánh bạc*” nhưng không chịu ăn năn hối cải mà tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc nên phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc có tác dụng răn đe bị cáo, phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, xét bị cáo dùng số tiền để đánh bạc ít, định lượng hậu quả của vụ án không lớn. Mặt khác, xét gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang nuôi mẹ đau bệnh tim, nuôi ba người con còn nhỏ. Do đó, HĐXX xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm một phần hình phạt cho bị cáo. Đồng thời, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ quy định tại Điều 36 BLHS, không cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội cũng đủ cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung. Ngoài hình phạt chính, xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền 10.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Xét bị cáo bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Tuy nhiên, để tăng cường tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung nên HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là cần thiết.

[5] Các vấn đề khác:

- Đối với Trần Kiên T2, Thân Thanh T, Trần Thị T1, quá trình điều tra xác định T2, T, T1 chưa có tiền án, tiền sự về hành vi đánh bạc hoặc hành vi quy định tại Điều 322 Bộ luật Hình sự nên hành vi của các đối tượng T2, T, T1 chưa đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc theo Điều 321 Bộ Luật hình sự, Công an xã P xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

- Đối với bà Lê Thị P, việc Phạm Văn C cùng với Trần Kiên T2, Thân Thanh T, Nguyễn Thị T3 đánh bạc tại nhà bà P, bà P không biết và cũng không được T2, T, C, T3 bàn bạc gì nên không có cơ sở để xử lý.

[6] Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp khác:

[6.1] Về trách nhiệm dân sự: Không

[6.2] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 1.666.000 đồng (một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng), xét đây là tiền bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án sử dụng để đánh bạc nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 02 (hai) bộ bài Tây 52 lá, xét thấy vật chứng này là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của BLTTHS - 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV, buộc bị cáo Phạm Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

[8] Tại phiên toà, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Phạm Văn C phạm tội “Đánh bạc”.

2. *Về hình phạt:* Xử phạt bị cáo Phạm Văn C **24** (hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ kể từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh G nhận

được quyết định thi hành án. Giao bị cáo Phạm Văn C cho UBND xã P, tỉnh Gia Lai giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

3.1. Về trách nhiệm dân sự: Không.

3.2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước: số tiền 1.666.000 đồng (một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). (Theo Giấy uỷ nhiệm chi đề ngày 23/01/2026 đã được nộp vào tài khoản của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai).

- Tịch thu, tiêu huỷ: 02 (hai) bộ bài Tây 52 lá. (Có đặc điểm như biên bản về việc giao, nhận tài sản thi hành án tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Gia Lai ngày 14/01/2026).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn C phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết công khai hợp lệ bản án.

* Nơi nhận:

- Phòng Giám đốc, kiểm tra, thanh tra và Thi hành án TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 3 – Gia Lai;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ – CA T. Gia Lai;
- VP Cơ quan CSĐT CA T. Gia Lai;
- Phòng THA DS khu vực 3 - Gia Lai;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Lê Lân

*** Nơi nhận:**

- Phòng GD KTr, TTr & THA
TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 3 – Gia Lai;
- CQ CSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu THA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Lê Lân

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Phù Cát, ngày 11 tháng 3 năm 2024

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Vào hồi 10 giờ 00 ngày 11 tháng 3 năm 2024.

Tại: Phòng nghị án - Trụ sở TAND huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Lê L
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hữu L1 và bà Nguyễn Thị D

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2024 đối với:

Bị cáo **Bùi Thế V**, tên gọi khác: không; giới tính: Nam; sinh ngày: 02/01/2002; nơi cư trú: thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Về tội danh: Bị cáo Bùi Thế V phạm tội “Đánh bạc”

* Kết quả biểu quyết

2. Về Điều luật áp dụng:

- Căn cứ các điểm a, b, d khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Kết quả biểu quyết

3. Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Thế V (.....) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

* Kết quả biểu quyết

4. Các vấn đề khác:

3. Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp khác:

3.1. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589, 591 của Bộ luật dân sự - 2015.

- Buộc bị cáo Bùi Thế V phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho vợ chồng ông Phạm Văn T4, bà Dương Thị N1 chi phí mai táng phí: 23.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Bùi Thế V phải có trách nhiệm bồi thường 45.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng chẵn*) để bù đắp tổn thất về tinh thần cho các con của anh Phạm Việt H là các cháu Phạm Lê Bảo T5; sinh ngày 18/4/2015 và cháu Phạm Lê Bảo N2; sinh ngày 28/8/2018 do chị Lê Huỳnh Tuyết T6 (mẹ ruột của các cháu) đại diện nhận thay.

- Buộc bị cáo Bùi Thế V phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi các cháu Phạm Lê Bảo T5; sinh ngày 18/4/2015 và cháu Phạm Lê Bảo N2; sinh ngày 28/8/2018 mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu cho đến khi cháu T5 và cháu Ngọc T7 18 tuổi; thời gian bắt đầu thực hiện trách nhiệm cấp dưỡng là tháng 3/2024.

3.2. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự:

- Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Bùi Thế V không thi hành hoặc thi hành chưa đầy đủ số tiền trên thì bị cáo V còn phải trả tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3.3. Về xử lý vật chứng: Không.

4. Về án phí:

4.1. *Án phí HSST*: Buộc bị cáo Bùi Thế V phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng).

4.2. *Án phí DSST*: Buộc bị cáo Bùi Thế V phải chịu 3.400.000 đồng (23.000.000 đồng + 45.000.000 đồng) = (68.000.000 đồng x5%).

4.3. *Án phí cấp dưỡng*: Buộc bị cáo Bùi Thế V phải chịu 300.000 đồng.

* Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án. Riêng chị Lê Huỳnh Tuyết T6 - người đại diện hợp pháp của cháu T5 và cháu N2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết công khai hợp lệ bản án.

* Kết quả biểu quyết

Nghị án kết thúc vào lúc 10 giờ 30 phút ngày 11 tháng 3 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Hữu Lộc Nguyễn Thị D Phan Lê L